

Bản án số: **54/2024/HS-ST**
Ngày: 17-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Tổng Nê.**

2/ Bà **Phạm Thu Trúc.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Kinh Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Phan Thanh Việt** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và điểm cầu thành phần: Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 48/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn Hoàng L, sinh năm 2000; tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; T: Không; Q: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị N1; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/01/2024 đến ngày 03/02/2024 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Võ Trường S, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

+ Võ Trọng N2, sinh năm 2001; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số F; ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng: Thái Thị H, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Người chứng kiến:

+ Trần Thị C, sinh năm 1967; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

+ Mai Văn T, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng chất ma túy nên vào chiều ngày 26/01/2024, Lê Văn H1 L sử dụng điện thoại di động gọi đến số điện thoại 0399657273 gặp một người đàn ông tên T1 (không rõ họ tên, địa chỉ) hỏi mua ma túy với giá 500.000 đồng, được T1 đồng ý, T1 kêu L đến khu vực góc đường ngã tư B thuộc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre để lấy ma túy mà T1 giấu sẵn, sau đó đề tiền lại. Lấy được ma túy L mang về phòng số 7 Nhà trọ H3 thuộc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre chia túi ma túy thành ba túi nhỏ gồm: hai đoạn ống nhựa màu trắng hàn kín hai đầu và một túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ, sau đó L giấu vào bên trong điện thoại di động hiệu mobell màu đỏ để sử dụng dần. Khoảng 17 giờ ngày 28/01/2024, Võ Trọng N2 điều khiển xe mô tô biển số 71B4-229.34 đến phòng số 7 Nhà T chơi, khoảng 30 phút sau, L mượn xe mô tô biển số 71B4-229.34 của N2 đồng thời lấy một đoạn ống nhựa chứa ma túy với ý định mang đến nhà của một người quen ở xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre để cùng sử dụng, khi L đang điều khiển xe trên đường ĐX03 thuộc ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, thì bị Công an xã T dừng xe để kiểm tra, do sợ bị phát hiện đang cất giấu chất ma túy nên L rút đoạn ống nhựa màu trắng chứa chất ma túy mà L đang cầm trong lòng bàn tay phải xuống đường để phi tang thì bị lực lượng Công an xã T phát hiện và bắt giữ, đồng thời thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đến hiện trường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật.

Vật chứng tạm giữ: Một đoạn ống nhựa màu trắng hàn kín hai đầu, chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy được thu giữ trong một phong bì ký hiệu M và niêm phong theo quy định. Một điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen, chưa kiểm tra thông tin bên trong, được thu giữ trong phong bì ký hiệu ĐT và niêm phong theo quy định. Một xe mô tô biển số 71B4-229.34, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu xám đen.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của L tại phòng số 7 Nhà trọ H3 tiếp tục phát hiện, thu giữ: Một điện thoại di động hiệu mobell không pin, vỏ màu đỏ được đóng gói niêm phong theo quy định ký hiệu NS3 2000031; một đoạn ống nhựa màu trắng hàn kín hai đầu kích thước (3,2 x 0,8) cm, bên trong chứa tinh thể li ti màu trắng và một túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ, bên trong chứa tinh thể li ti màu trắng, túi có kích thước (5 x 2,8) cm được đóng gói niêm phong theo quy định ký hiệu NS3 2000036.

Bản kết luận giám định số 93/2024/KL-KTHS ngày 02/2/2024 của Phòng KTHS Công an tỉnh Bến Tre: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2419 gam; Tinh thể màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa và 01 túi nylon màu trắng được niêm phong mã số NS3 2000036 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,5782 gam. Tổng khối lượng ma túy là 0,8201 gam. Mẫu vật hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 93/2024 là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,6161 gam cùng vỏ bao gói.

Cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 30/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Lê Văn Hoàng L về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn Hoàng L. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn H1 Lam phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Văn Hoàng L từ 01 năm đến 02 năm tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì số 93/2024 được niêm phong, có chữ ký ghi rõ họ tên Dương Minh T2, Phan Trung T3, Nguyễn Ngọc M và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS - Công an tỉnh Bến Tre, bên trong chứa chất ma túy loại methamphetamine, có khối lượng 0,6161 gam cùng vỏ bao gói.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Redmi, model 23028RNCAG, IMEI 1: 862849067999125, IMEI 2: 862849067999133, màu đen, gắn sim điện thoại của số thuê bao 0788955767 và 01 điện thoại di động hiệu mobell màu đỏ - đen, không gắn pin của Lê Văn Hoàng L.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng thời nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với nội dung cáo trạng và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra như: biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định. Từ đó, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 28/01/2024, trên đường Đ thuộc ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, lực lượng Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát hiện, bắt quả tang Lê Văn Hoàng L có hành vi tàng trữ 0,2419 gam chất ma túy loại Methamphetamine; cùng ngày khám xét chỗ ở của L tiếp tục thu giữ 0,5782

gam chất ma túy loại Methamphetamine. Tổng khối lượng ma túy Lê Văn Hoàng L tàng trữ là 0,8201 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích sử dụng, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo Lê Văn Hoàng L đã đủ yếu tố cấu thành về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng truy tố và phát biểu luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với mẫu vật sau giám định đựng trong một phong bì số 93/2024 được niêm phong, có chữ ký ghi rõ họ tên Dương Minh T2, Phan Trung T3, Nguyễn Ngọc M và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS - Công an tỉnh Bến Tre, bên trong chứa chất ma túy loại methamphetamine, có khối lượng 0,6161 gam cùng vỏ bao gói là chất ma túy cấm lưu hành, đồ vật để sử dụng, tàng trữ ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi, model 23028RNCAG, IMEI 1: 862849067999125, IMEI 2: 862849067999133, màu đen, gắn sim điện thoại của số thuê bao 0788955767 và 01 điện thoại di động hiệu mobell màu đỏ - đen, không gắn pin được niêm phong trong một túi niêm phong mã số NS3 2000031, trên thân túi có chữ ký ghi rõ họ tên Dương Minh T2, Kiều Văn T4, Huỳnh Minh H2, Võ Trọng N2, Lê Văn Hoàng L và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre là công cụ phương tiện bị cáo dung phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với xe mô tô biển số 71B4-229.34, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu sơn đen-xám, số khung RLHCUE1740KY066061, số máy E3T6E419266, qua xác minh do ông Võ Trường S, là cha của Võ Trọng N2, đứng tên chủ sở hữu và giao cho N2 để làm phương tiện đi lại, N2 cho bị cáo L mượn vào ngày 28/01/2024. Qua làm việc, ông S và N2 không biết việc L sử dụng xe mô tô tàng trữ ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho ông S xong nên không xét đến.

[7] Đối với người đàn ông tên T1 bán chất ma túy cho L không xác định được họ tên, địa chỉ, quá trình điều tra xác định số thuê bao 0399657273 mà T1 sử

dụng để bán ma túy, do Trịnh Thị Thúy N3, sinh năm: 1998, nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre đăng ký thông tin. Quá trình làm việc, N3 trình bày bản thân không đăng ký thông tin và không sử dụng số thuê bao nêu trên. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[8] Đối với chủ nhà trọ Hồng M1 không biết việc Lê Văn Hoàng L cất giấu ma túy trong phòng trọ nên không đề cập xử lý.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H1 Lam phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 Lam **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2024.

[2] Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì số 93/2024 được niêm phong, có chữ ký ghi rõ họ tên Dương Minh T2, Phan Trung T3, Nguyễn Ngọc M và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS - Công an tỉnh Bến Tre, bên trong chứa chất ma túy loại methamphetamine, có khối lượng 0,6161 gam cùng vỏ bao gói.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Redmi, model 23028RNCAG, IMEI 1: 862849067999125, IMEI 2: 862849067999133, màu đen, gắn sim điện thoại của số thuê bao 0788955767 và 01 điện thoại di động hiệu mobell màu đỏ - đen, không gắn pin được niêm phong trong một túi niêm phong mã số NS3 2000031, trên thân túi có chữ ký ghi rõ họ tên Dương Minh T2, Kiều Văn T4, Huỳnh Minh H2, Võ Trọng N2, Lê Văn Hoàng L và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 08/7/2024 giữa Công an huyện C, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre).

[3] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn Hoàng L phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (3b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND xã Tân Trung (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền